

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

ĐỢT 2 - NĂM 2025

Trình độ Anh ngữ Bậc 4 (B2)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	8.9	6.3	9.0	9.0	8.3	Đạt	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	8.6	6.3	9.0	9.0	8.2	Đạt	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	3.5	3.3	6.3	4.5	4.4	Không đạt	
4	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	6	4.3	5.0	3.0	4.6	Không đạt	
5	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	7.5	7.3	7.3	5.5	6.9	Đạt	
6	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	8.8	7.8	7.0	9.0	8.2	Đạt	
7	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	7.5	4.8	6.0	6.0	6.1	Đạt	
8	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	8.9	7.8	6.0	5.5	7.1	Đạt	
9	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/05/2004	C26TA	9.1	8	7.0	7.0	7.8	Đạt	
10	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	5.8	2.8	3.5	2.0	3.5	Không đạt	
11	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/04/1999	C26TA	5.7	6	8.0	8.5	7.1	Đạt	
12	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	9.1	8.3	7.0	5.5	7.5	Đạt	
13	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	9.1	6.5	8.0	5.5	7.3	Đạt	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	9.5	8.3	7.5	8.0	8.3	Đạt	
15	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	8.3	8.3	7.0	7.5	7.8	Đạt	
16	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	8.7	7.5	7.5	5.5	7.3	Đạt	
17	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	5.6	4.8	6.0	7.0	5.9	Đạt	
18	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	9.7	8.3	8.0	7.5	8.4	Đạt	
19	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	7.2	5.5	7.5	6.0	6.6	Đạt	
20	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	9.1	7.5	7.0	6.5	7.5	Đạt	
21	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	8.8	7.5	5.0	5.0	6.6	Đạt	